

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
KHOA VĂN HÓA – THÔNG TIN

BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH QUẢN LÝ VĂN HÓA TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ
Loại hình đào tạo: Chính quy
Mã ngành : 8229042

Thanh Hóa, năm 2022

Thanh Hóa, ngày 22 tháng 07 năm 2022

Số: 1106/QĐ-ĐVTDT

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Bản mô tả Chương trình đào tạo các ngành đào tạo
trình độ Thạc sĩ**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ
DU LỊCH THANH HÓA**

Căn cứ Luật số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018 ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định 1221/QĐ-TTg ngày 22/7/2011 của Thủ tướng chính phủ về việc thành lập trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Trưởng Bộ GD&ĐT Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/08/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số: 1650/QĐ-ĐVTDT ngày 29/12/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa về việc “Ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ”;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo Sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành Bản mô tả Chương trình đào tạo các ngành đào tạo trình độ Thạc sĩ theo hệ thống tín chỉ tại trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.

Điều 2: Ban hành Bản mô tả Chương trình đào tạo các ngành đào tạo trình độ Thạc sĩ được áp dụng cho các khóa tuyển sinh, bắt đầu từ khóa tuyển sinh năm 2022.

Điều 3: Các đơn vị phòng Đào tạo Sau đại học, phòng Thanh tra, phòng Khảo thí – Đảm bảo chất lượng giáo dục, các ông/bà Trưởng Khoa, Trưởng Bộ môn, giảng viên liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VP, ĐTSDH.

HIỆU TRƯỞNG



TS. Lê Thanh Hà

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
(theo định hướng nghiên cứu)

Ngành/chuyên ngành: Quản lý Văn hóa

Trình độ: Thạc sĩ

Mã số: 8229042

I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Giới thiệu về Chương trình đào tạo

1.1. Khái quát về việc xây dựng chương trình

Trường ĐHVH,TT&DLTH được Bộ GD&ĐT cho phép đào tạo Thạc sĩ QLVH từ tháng 8 năm 2016 theo quyết định số 3073/QĐ-BGDĐT ngày 29/8/2016. Chương trình Thạc sĩ ngành Quản lý Văn hóa được xây dựng và phê duyệt lần đầu năm 2016, đã được điều chỉnh qua các năm: 2018 (Quyết định số 643/QĐ-ĐVTDT ngày 13/8/2018), 2020 (Quyết định số 887/QĐ-ĐVTDT ngày 16/9/2020); 2022 (Quyết định số 1103/QĐ-ĐVTDT ngày 22/7/2022) của Hiệu trưởng Trường ĐH Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.

Trong quá trình xây dựng và chỉnh sửa chương trình, chúng tôi đã tham khảo các chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Quản lý Văn hóa của các cơ sở đào tạo hàng đầu trong cả nước gồm: Trường Đại học Văn hóa Hà Nội, Đại học SPNT Trung ương, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội, Đại học SPNT Trung ương, Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn- Đại học Quốc gia Hà Nội.

1.2. Cấu trúc tổng thể của chương trình

Chương trình đào tạo Thạc sĩ chuyên ngành Quản lý Văn hóa được theo định hướng nghiên cứu gồm 60 tín chỉ được cấu trúc gồm 3 khối kiến thức: Khối kiến thức chung gồm 8 TC (bắt buộc), Khối kiến thức cơ sở ngành gồm 07 TC (03 TC bắt buộc, 04 TC tự chọn), Khối kiến thức chuyên ngành gồm 15 TC (11 TC bắt buộc, 04 TC tự chọn); 5 chuyên đề nghiên cứu gồm 15 TC; Luận văn Thạc sĩ gồm 15 TC.

1.3. Đội ngũ thực hiện chương trình

Đội ngũ giảng viên tham gia thực hiện chương trình đào tạo Thạc sĩ chuyên ngành Quản lý Văn hóa gồm 23 người có trình độ đạt chuẩn (20 Tiến sĩ, 03 Phó giáo sư), có năng lực chuyên môn vững vàng, nhiều năm đào tạo Thạc sĩ và Tiến sĩ; nhiều kinh nghiệm về biên soạn sách chuyên khảo, tài liệu tham khảo, bài giảng, thẩm định các đề tài, dự án; có trách nhiệm cao với người học/công việc và say mê nghề nghiệp. Trong quá trình đào tạo, nhà trường còn nhận được sự phối hợp, cộng tác mật thiết, có trách nhiệm cao của nhiều nhà khoa học (GS, PGS, TS) từ nhiều cơ sở đào tạo uy tín khác.

1.4. Cơ sở vật chất thực hiện chương trình

Trường Đại học VH,TT&DL Thanh Hóa có tổng diện tích là 70595m², với hệ thống CSVC và các trang thiết bị đáp ứng được yêu cầu đào tạo và NCKH của Nhà trường nói chung và ngành QLVH nói riêng. Nhà trường có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng phù hợp và đảm bảo tỉ lệ diện tích/NH theo quy định để hỗ trợ các hoạt động đào tạo phục vụ CTĐT QLVH theo quy định hiện hành. Phòng làm việc, phòng thực hành và phòng chức năng có đủ trang thiết bị phục vụ tốt cho dạy và học ngành QLVH như: máy tính, máy in, điều hòa, bộ phát wifi, thiết bị nghe nhìn, điện thoại, bàn ghế, hệ thống âm thanh. Trung tâm Thông tin - Thư viện có chức năng phục vụ hoạt động giảng dạy, học tập, đào tạo, nghiên cứu khoa học, triển khai ứng dụng khoa học công nghệ và quản lý của Nhà trường.

2. Thông tin chung về Chương trình đào tạo

1. Tên ngành/chuyên ngành đào tạo (<i>Tiếng Việt, tiếng Anh</i>): <i>Tiếng Việt: Quản lý Văn hóa</i> <i>Tiếng Anh: Cultural management</i>
2. Mã số ngành/chuyên ngành đào tạo: 8229042
3. Trình độ đào tạo: <i>Thạc sĩ</i>
4. Thời gian đào tạo: 18 – 24 tháng
5. Tên văn bằng tốt nghiệp: Thạc sĩ
6. Đơn vị được giao nhiệm vụ: Khoa VH TT
7. Hình thức đào tạo: Xét tuyển
8. Số tín chỉ: 60
9. Thang điểm:
10. Ngôn ngữ sử dụng: Tiếng Việt
11. Ngày tháng ban hành: 22/07/2022
12. Phiên bản chỉnh sửa: Chỉnh sửa lần 1: năm 2018 (Quyết định số 643/QĐ-ĐVTDT ngày 13/8/2018) Chỉnh sửa lần 2: năm 2020 (Quyết định số 887/QĐ-ĐVTDT ngày 16/9/2020) Chỉnh sửa lần 3: năm 2022 (Quyết định số 1103/QĐ-ĐVTDT ngày 22/7/2022)

3. Mục tiêu đào tạo của chương trình đào tạo

Triển khai theo 3 vấn đề được nêu tại Điều 4 Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT¹

3.1. Mục tiêu tổng quát

Chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ Quản lý Văn hóa theo định hướng nghiên cứu của Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa nhằm đào tạo nguồn nhân lực có năng lực nghiên cứu chuyên sâu về quan điểm, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về văn hóa Việt Nam; Những kiến thức lý luận chuyên sâu về Quản lý Văn hóa;

¹ **Điều 4. Mục tiêu của chương trình đào tạo**

1. Phải nêu rõ kỳ vọng của cơ sở đào tạo về năng lực và triển vọng nghề nghiệp của người tốt nghiệp chương trình đào tạo.
2. Phải thể hiện được định hướng đào tạo: định hướng nghiên cứu, định hướng ứng dụng hoặc định hướng nghề nghiệp; đáp ứng nhu cầu của giới tuyển dụng và các bên liên quan.
3. Phải phù hợp và gắn kết với sứ mạng, tầm nhìn, chiến lược phát triển của cơ sở đào tạo, nhu cầu của xã hội; phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học theo quy định tại Luật Giáo dục đại học và mô tả trình độ theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Những kiến thức chuyên sâu về tổ chức bộ máy và quản lý văn hóa trong điều kiện hội nhập thế giới sâu rộng hiện nay. Ngoài ra còn trang bị, bổ sung cho người học kỹ năng quản lý và tổ chức các hoạt động trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật.

3.2. Mục tiêu cụ thể

PO1: *Hiểu* kiến thức thực tế và lý thuyết chuyên sâu về quản lý văn hóa, phát triển văn hóa của địa phương, các tổ chức và doanh nghiệp trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế và toàn cầu hóa;

PO2: *Trang bị kiến thức, kỹ năng* truyền đạt tri thức về các vấn đề thuộc lĩnh vực quản lý văn hóa; thực thi các chính sách văn hóa của Nhà nước và của địa phương, xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược, kế hoạch, các dự án phát triển văn hóa của địa phương, tổ chức và doanh nghiệp;

PO3: *Hình thành năng lực* tự chủ tự chịu trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm với cộng đồng trong hoạt động nghề nghiệp và tự chịu trách nhiệm với nghề về chất lượng và hiệu quả công việc theo kế hoạch đã lập ra; hướng dẫn truyền bá phổ biến kiến thức thuộc ngành đào tạo. Năng lực tự nghiên cứu, tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ với định hướng nghề nghiệp.

PO4: *Rèn luyện* kiến thức kỹ năng học tập suốt đời, năng lực tự nghiên cứu, tác phong chuyên nghiệp, khả năng vận dụng kiến thức chuyên môn nghiệp vụ vào thực tiễn một cách chủ động và sáng tạo; biết cách tiếp cận giải quyết các vấn đề về quản lý văn hóa trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế.

4. Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo

4.1. Kiến thức:

- **PLO1.1.** Hiểu kiến thức thực tế và lý thuyết chuyên sâu về quản lý văn hóa, phát triển văn hóa của địa phương, các tổ chức và doanh nghiệp trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế và toàn cầu hóa;

- **PLO1.2.** Áp dụng kiến thức về xây dựng và tổ chức thực hiện các chiến lược, kế hoạch, chương trình, dự án trong lĩnh vực văn hóa của địa phương, tổ chức và doanh nghiệp;

- **PLO1.3.** Vận dụng được các kiến thức tổng quát về văn hóa, hoạt động của các lĩnh vực văn hóa và quản lý nhà nước về văn hóa, các kiến thức chung về pháp luật, pháp luật văn hóa, kiến thức chung về lịch sử, văn hóa, xã hội có liên quan đến quản lý văn hóa trong các hoạt động chuyên môn và học thuật.

4.2. Kỹ năng

- **PLO2.1.** Sử dụng thành thạo các công cụ phân tích để thu thập, xử lý thông tin hỗ trợ cho việc ra quyết định trong lĩnh vực quản lý văn hóa.

- **PLO2.2.** Có kỹ năng truyền đạt tri thức về các vấn đề thuộc lĩnh vực quản lý văn hóa

- **PLO2.3.** Có kỹ năng tổ chức, thực thi các chính sách văn hóa của Nhà nước và của địa phương, kỹ năng xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược, kế hoạch, các dự án phát triển văn

hóa của địa phương, tổ chức và doanh nghiệp;

- **PLO2.4.** Có kỹ năng nghiên cứu, hoàn thiện các chính sách, hoạt động quản lý văn hóa của địa phương, tổ chức và doanh nghiệp;

- **PLO2.5.** Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.

4.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm, năng lực cần thiết

- **PLO3.1.** Có năng lực tổ chức nghiên cứu thực tế văn hóa của địa phương, tổ chức xây dựng các chính sách văn hóa, chiến lược, kế hoạch, các dự án phát triển văn hóa của địa phương, tổ chức và doanh nghiệp;

- **PLO3.2.** Có khả năng thích nghi, tự định hướng trong môi trường văn hóa - xã hội, môi trường kinh tế trong văn hóa và văn hóa trong kinh tế biến động.

- **PLO3.3.** Có khả năng đưa ra những kết luận, đánh giá và bảo vệ quan điểm mang tính chuyên gia trong lĩnh vực quản lý văn hóa;

- **PLO3.4.** Có khả năng đánh giá tổng hợp và đề xuất cải tiến các hoạt động quản lý văn hóa của địa phương, của tổ chức và doanh nghiệp.

4. Chuẩn đầu vào của Chương trình đào tạo

Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp; đối với chương trình định hướng nghiên cứu yêu cầu hạng tốt nghiệp từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu;

Có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Đáp ứng các yêu cầu khác của chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và theo quy định của chương trình đào tạo.

5. Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo

Mục tiêu CTĐT	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo											
	PLO 1.1	PLO 1.2	PLO 1.3	PLO 2.1	PLO 2.2.	PLO 2.3	PLO 2.4	PLO 2.5	PLO 3.1	PLO 3.2	PLO 3.3.	PLO 3.4
PO1	2	3	5	6	2	2	3	3	5	6	3	2
PO2	2	2	2	2	3	2	3	3	2	3	2	3
PO3	3	2	5	6	2	3	2	3	4	2	5	6
PO4	2	2	3	2	4	2	5	6	2	3	2	2

Ghi chú: số cột tùy thuộc vào chuẩn đầu ra của mỗi nhóm; số dòng tùy thuộc vào mục tiêu, ghi mức độ đạt được tương ứng giữa mục tiêu với chuẩn đầu ra, trong đó:

- Đối với kiến thức: 1-Nhớ; 2-Hiểu; 3-Vận dụng; 4-Phân tích; 5-Đánh giá; 6-Sáng tạo.
- Đối với kỹ năng: 1-Nhớ; 2-Hiểu; 3-Vận dụng; 4-Phân tích; 5-Đánh giá; 6-Sáng tạo.
- Đối với mức độ tự chủ và trách nhiệm, năng lực cần thiết: 1-Tiếp nhận; 2-Đáp ứng/Hỏi đáp; 3- Hình thành giá trị/Đánh giá; 4-Tổ chức; 5-Tập hợp giá trị/Tính cách.

7. Phương pháp dạy - học và phương pháp kiểm tra đánh giá

7.1. Phương pháp dạy - học

Các phương pháp dạy học: Chương trình sử dụng đa dạng các phương pháp dạy - học sau:

- + Nhóm PP dạy - học trực tiếp (thuyết trình, thảo luận,);
- + Nhóm PP dạy - học kích não (bản đồ tư duy, nghiên cứu xử lý tình huống, đặt vấn đề/giải quyết vấn đề,...)
- + Nhóm PP dạy - học tương tác (đóng kịch nhập vai, mô hình ứng xử,...);
- + Nhóm PP dạy - học ứng dụng công nghệ (dạy học trực tuyến,...);
- + Nhóm PP dạy - học độc lập (tự học, kiểm tra cá nhân,...).
- + Phương pháp chuyên gia (mô hình, dự án, đề án,...)

7.2. Các phương pháp đánh giá

- Đánh giá quá trình (10%): Chuyên cần, thuyết trình, vấn đáp, thảo luận/hoạt động nhóm, viết tiểu luận...

- Đánh giá giữa kỳ (20%): Tự luận, vấn đáp,

- Đánh giá cuối kỳ (70%): Tự luận, vấn đáp, tiểu luận...

II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

1. Cấu trúc Chương trình đào tạo

STT	Khối kiến thức, số tín chỉ (TC)	Loại học phần	Số TC
1	Kiến thức chung: 08 TC	Bắt buộc	08
		Tự chọn	0
2	Kiến thức ngành/ chuyên ngành: 22 TC		
2.1	Kiến thức cơ sở ngành: 07 TC	Bắt buộc	03
		Tự chọn	04
2.2	Kiến thức chuyên ngành: 15 TC	Bắt buộc	11
		Tự chọn	04
3	Chuyên đề nghiên cứu: 15 TC		15
4	Luận văn: 15 TC		15
	Tổng số tín chỉ của CTĐT: 60 TC		60

2. Danh sách và mô tả các học phần

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu dạy học
1	KTC01	Triết học	4	Học phần Triết học Mác – Lênin cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản về chủ nghĩa duy vật biện chứng, phép biện chứng duy vật, chủ nghĩa duy vật lịch sử. Từ những lý luận cơ bản theo quan điểm của Chủ nghĩa Mác Lênin đòi hỏi phải có sự cập nhật thông	[1] Bộ giáo dục và đào tạo (2022), <i>Giáo trình Triết học</i> (Dùng trong đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ và

				tin thường xuyên và liên tục nhằm làm sáng tỏ những luận điểm đã nêu, đồng thời có sự vận dụng sáng tạo trong tình hình cụ thể của đất nước nhằm giúp sinh viên hiểu được: - Lịch sử hình thành, phát triển của triết học phương Đông, phương Tây và triết học Mác – Lênin; - Những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử; - Vai trò của triết học Mác – Lênin đối với sự hình thành và phát triển của đời sống xã hội.	các ngành khoa học xã hội nhân văn không chuyên ngành Triết học), Nxb. Đại học sư phạm. [2] Doãn Chính, <i>Lịch sử tư tưởng phương Đông và Việt Nam</i>, Nxb chính trị quốc gia.
2	KTC02	Tiếng Anh (theo khung tham chiếu B1 Châu Âu)	4	Học phần Ngoại ngữ (Tiếng Anh) là học phần trong chương trình đào tạo Thạc sĩ của tất cả các chuyên ngành, được bố trí giảng dạy trong học kỳ đầu của khóa đào tạo. Cung cấp cho học viên những kiến thức về ngôn ngữ tiếng Anh, rèn luyện và phát triển kỹ năng giao tiếp, giúp cho học viên phương pháp học tiếng Anh có hiệu quả. Cụ thể là, sau khi kết thúc học phần, người học phải đạt được năng lực giao tiếp ở trình độ trung cấp bậc 4 (theo khung năng lực Ngoại ngữ Việt Nam) hoặc trình độ B2 (theo khung tham chiếu chung Châu Âu (CEFR), bao gồm tri thức về bình diện ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp), kiến thức hiểu biết về văn hóa các nước nói tiếng Anh và kỹ năng thực hành ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết), trong đó, kỹ năng đọc, hiểu, dịch phải ở mức thành thạo.	[1]Giáo trình Liz (2009), <i>New headway 3</i>, NXB Lao động [2] Lê Huy Lâm (2007), <i>Writing</i>, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
3	CNBB03	Phương pháp nghiên cứu khoa học văn hóa	3	Môn học cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng căn	[1] Tập bài giảng

				bản trong nghiên cứu khoa học (NCKH) chuyên ngành văn hóa, đồng thời rèn luyện khả năng áp dụng các phương pháp nghiên cứu vào thực tiễn. Học viên sẽ được tiếp cận với quy trình nghiên cứu, từ xác định vấn đề, lựa chọn phương pháp phù hợp đến thu thập, phân tích và đánh giá dữ liệu trong nghiên cứu văn hóa. Trong khuôn khổ học phần, học viên sẽ thực nghiệm các phương pháp và quy trình nghiên cứu đối với hai lĩnh vực chính: văn hóa phi vật thể và văn hóa vật thể. Đồng thời, học viên sẽ áp dụng một số phương pháp nghiên cứu căn bản vào các đối tượng văn hóa cụ thể, từ đó rút ra nhận định khoa học và đề xuất hướng nghiên cứu phù hợp.	<i>Phương pháp nghiên cứu khoa học văn hóa</i> (Tài liệu lưu hành nội bộ tại Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa) [2] Barker, Chris (2011), <i>Nghiên cứu văn hóa</i>, NXB Văn hóa Thông tin
4	CNBB04	Truyền thông văn hóa	2	Môn học tập trung vào việc nghiên cứu mối quan hệ giữa truyền thông và văn hóa trong bối cảnh toàn cầu hóa, từ đó giúp người học hiểu sâu hơn về cách truyền thông tác động đến sự hình thành, duy trì và biến đổi bản sắc văn hóa. Nội dung học phần bao gồm các lý thuyết nền tảng về truyền thông và văn hóa, trong đó nhấn mạnh đến vai trò của truyền thông trong việc kiến	[1] Tập bài giảng <i>Truyền thông văn hóa</i> (Tài liệu lưu hành nội bộ tại Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa) [2] Hoàng Minh Tường (2009), <i>Công tác quản lý</i>

				tạo bản sắc cá nhân, cộng đồng và quốc gia. Đồng thời, học phần cũng đi sâu vào phân tích ảnh hưởng của truyền thông đại chúng đối với văn hóa đại chúng và sự phát triển con người Việt Nam hiện nay. Học phần này không chỉ trang bị cho người học nền tảng học thuật vững chắc mà còn cung cấp các công cụ phân tích hữu ích để áp dụng trong các lĩnh vực như báo chí, quan hệ công chúng, quảng cáo, quản trị văn hóa và truyền thông số.	<i>nhà nước về thông tin – truyền thông và vai trò của cán bộ VH TT cơ sở,</i> NXB Thanh Hóa
5	CNBB05	Quản lý văn hóa và phát triển bền vững	2	Nhận thức căn bản về những quy luật căn bản của kinh tế và văn hóa trong bối cảnh kinh tế thị trường và toàn cầu hóa ở thế kỷ XXI; Vai trò vị thế của văn hóa trong phát triển; Nhận dạng và nghiên cứu thực tiễn văn hóa và phát triển ở Việt Nam; Có khả năng nghiên cứu, đánh giá các hình thái văn hóa trong bối cảnh kinh tế thị trường và quá trình toàn cầu hóa ở Việt Nam; Phân tích- dự báo trong công tác QLVH nhằm giữ gìn và phát huy văn hóa truyền thống Việt Nam trong bối cảnh kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế một cách hiệu quả.	[1] Tập bài giảng <i>Quản lý văn hóa và phát triển bền vững</i> (Tài liệu lưu hành nội bộ tại Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa) [2] Phạm Văn Đồng (1996), <i>Văn hóa và sự phát triển các dân tộc ở Việt Nam</i>, NXB Văn hóa dân gian
6	CNBB06	Xã hội hóa hoạt động văn hoá -	2	Học phần cung cấp cơ sở lý	[1] Tập bài

		nghệ thuật		luận và thực tiễn về quá trình xã hội hoá trong lĩnh vực văn hoá nghệ thuật, đặc biệt là vai trò của các chủ thể xã hội ngoài khu vực nhà nước trong việc tham gia tổ chức, sản xuất, phân phối và tiêu thụ các sản phẩm văn hoá nghệ thuật. Người học sẽ được trang bị kiến thức về bản chất, vai trò, động lực và cơ chế thực hiện xã hội hoá; phân tích các mô hình xã hội hoá trong nước và quốc tế; đánh giá các chính sách, pháp luật liên quan; đồng thời rèn luyện kỹ năng xây dựng kế hoạch, triển khai và quản lý các hoạt động văn hoá nghệ thuật theo hướng xã hội hoá hiệu quả và bền vững.	giảng <i>Xã hội hóa hoạt động văn hoá - nghệ thuật</i> (Tài liệu lưu hành nội bộ tại Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa) [2] Huỳnh Khái Vinh (1996), <i>Văn hóa văn nghệ vì sự nghiệp phát triển xã hội</i>, NXB Văn học
7	CNBB07	Quản lý sự kiện văn hóa	3	- Nắm được nội hàm của các khái niệm cơ bản như sự kiện, sự kiện văn hóa; - Nắm vững các tiêu chí chủ yếu để phân loại các sự kiện; - Nắm được cách thức tổ chức và hoạt động của các sự kiện nói chung; - Nắm được cách thức tổ chức và hoạt động của các sự kiện văn hóa và cách thức quản lý sự kiện văn hóa - Phân loại được các loại sự kiện theo các tiêu chí chủ yếu; - Áp dụng các kiến thức	[1] Hà Đình Hùng (2021), Tập bài giảng <i>Quản lý Sự kiện văn hóa</i> (Tài liệu lưu hành nội bộ), Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa. [2] Cao Đức Hải, (2010), <i>Quản lý lễ hội và sự</i>

				được học để tiến hành Tổ chức và quản lý các sự kiện văn hóa; Có phương pháp quản lý các sự kiện văn hóa.	kiện, NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội.
8	CNBB08	Phát triển công nghiệp văn hóa	2	Học phần cung cấp nền tảng lý luận và thực tiễn về công nghiệp văn hóa, bao gồm khái niệm, đặc điểm, cơ cấu và vai trò của ngành này trong nền kinh tế - xã hội. Học viên sẽ được trang bị kỹ năng phân tích, đánh giá các mô hình công nghiệp văn hóa trong và ngoài nước, từ đó vận dụng vào thực tiễn phát triển ngành. Đồng thời, học phần giúp nâng cao nhận thức về chính sách quản lý văn hóa, khuyến khích tư duy sáng tạo và ứng dụng các giải pháp phù hợp với bối cảnh phát triển hiện nay. Ngoài ra, học phần cũng đề cập đến kinh nghiệm quốc tế, xu hướng phát triển, chính sách hỗ trợ của Nhà nước và tác động của cách mạng công nghiệp 4.0 đối với ngành công nghiệp văn hóa.	[1] Lê Thị Bích Thủy, Nguyễn Thị Thủy (2023) Giáo trình <i>Phát triển công nghiệp văn hóa</i> , NXB Đại học Quốc gia Hà Nội [2] Phạm Bích Huyền, Phạm Hoài Thu (2009), Giáo trình <i>Các ngành công nghiệp văn hóa</i> , Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
9	CNTC09	Quản lý thị trường văn hóa	2	Nắm vững những vấn đề lý luận cơ bản về thị trường, thị trường văn hóa; quản lý thị trường văn hóa trong phát triển kinh tế xã hội hiện nay. Định hướng được những yếu tố tác động và xu thế phát triển của thị trường văn hóa	[1] Tập bài giảng <i>Quản lý thị trường văn hóa</i> (Tài liệu lưu hành nội bộ tại Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và

				trong tương lai. Có khả năng nghiên cứu, giảng dạy và tham gia các hoạt động liên quan đến việc quản lý thị trường văn hóa.	Du lịch Thanh Hóa) [2] Lê Ngọc Tòng, (2016), <i>Giáo trình kinh tế học văn hóa</i>, NXB Lý luận chính trị
10	CNTC10	Phát triển văn hóa cộng đồng	2	Học phần “Phát triển văn hóa cộng đồng” giúp học viên nhận thức được vai trò của văn hóa cộng đồng trong phát triển bền vững, nắm vững các khái niệm, nội dung, nguyên tắc và phương pháp triển khai các hoạt động phát triển văn hóa trong cộng đồng dân cư. Học viên sẽ được rèn luyện năng lực phân tích, lập kế hoạch và đề xuất các mô hình phát triển văn hóa gắn với đặc trưng cộng đồng địa phương.	[1] Tập bài giảng <i>Phát triển văn hóa cộng đồng</i> (Tài liệu lưu hành nội bộ tại Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa) [2] Lương Hồng Quang (2018), <i>Phát triển văn hóa dựa vào cộng đồng</i>, NXB Đại học Quốc gia
11	CNTC11	Xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển văn hóa	2	Học phần Xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển văn hóa thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Với thiết kế 4 chương, nội dung học phần cung cấp cho HV: Những vấn đề lý luận chung về kế hoạch, chiến lược phát triển văn hóa; Vận dụng lý thuyết, phương pháp nghiên cứu hiện đại trong xây dựng kế hoạch và chiến lược phát	[1] Nguyễn Thị Thục, <i>TBG Xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển văn hóa</i>, Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du

				triển văn hóa; Quy trình xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển văn hóa; Quy trình xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược phát triển văn hóa. Vận dụng những vấn đề lý luận chung; lý thuyết nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu trong kiến thức trong xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển văn hóa; đánh giá, phân tích và so sánh với thực tiễn	lịch Thanh Hóa. [2] Đoàn Thị Thu Hà (chủ biên) (tái bản năm 2008), <i>Giáo trình khoa học quản lý</i>, tập 2, Nxb Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội.
12	CNTC12	Nghệ thuật truyền thống Việt Nam	2	Nhận thức căn bản về một số loại hình nghệ thuật truyền thống tiêu biểu Việt Nam. Hiểu biết được khái quát của diễn trình, đặc trưng thẩm mỹ, giá trị văn hóa xã hội của mỗi loại hình. Có khả năng nghiên cứu, đánh giá giá trị của mỗi loại hình nghệ thuật truyền thống để giữ gìn và phát huy trong bối cảnh kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế .	[1] Vi Minh Huy, Trần Việt Anh, Tập bài giảng <i>Nghệ thuật truyền thống Việt Nam</i> (Tài liệu lưu hành nội bộ), Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.
13	CNTC13	Marketing văn hóa – nghệ thuật	2	Học phần cung cấp nền tảng chuyên sâu về chiến lược và ứng dụng marketing trong lĩnh vực văn hóa và nghệ thuật. Mục tiêu của học phần là giúp học viên nắm vững các nguyên tắc marketing hiện đại, phân tích đặc thù của thị trường văn hóa nghệ thuật và áp dụng các phương	[1] Tập bài giảng <i>Marketing văn hóa-nghệ thuật</i> (Tài liệu lưu hành nội bộ), Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du

				pháp nghiên cứu hành vi công chúng một cách khoa học. Học viên sẽ được trang bị kỹ năng xây dựng và triển khai các chiến lược marketing hiệu quả, bao gồm quản trị thương hiệu, định vị sản phẩm, chiến lược giá cả, kênh phân phối và truyền thông tích hợp. Đặc biệt, học phần tập trung vào việc khai thác công nghệ số và các nền tảng truyền thông trực tuyến để tối ưu hóa hoạt động quảng bá sản phẩm văn hóa nghệ thuật. Bên cạnh đó, học viên sẽ phát triển khả năng đánh giá hiệu quả chiến dịch marketing, điều chỉnh chiến lược dựa trên phản hồi từ thị trường, cũng như quản trị rủi ro trong lĩnh vực này. Thông qua các nghiên cứu tình huống và dự án thực tiễn, học viên sẽ có cơ hội nâng cao tư duy chiến lược và năng lực quản lý marketing trong môi trường văn hóa nghệ thuật đa dạng và không ngừng biến đổi.	lịch Thanh Hóa. [2] Nguyễn Thị Lan Thanh (2014), <i>Marketing văn hóa-nghệ thuật</i>, NXB Lao động
14	CNTC14	Quản lý hoạt động biểu diễn	2	Trang bị cho học viên những kiến thức về các hoạt động nghệ thuật cũng như hệ thống chính sách, quan điểm, đường lối, luật, nghị định của nhà nước về các vấn đề thủ tục cấp phép, những vấn đề nghiêm cấm của hoạt động biểu diễn	[1] Tập bài giảng <i>Quản lý hoạt động biểu diễn</i> (Tài liệu lưu hành nội bộ), Trường Đại học Văn

				nghệ thuật hiện nay. Những tồn tại, hạn chế và các giải pháp phát triển các hoạt động nghệ thuật. Học viên biết vận dụng và có phương pháp quản lý linh hoạt các hoạt động này trong giai đoạn hiện nay.	hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.
15	CĐTC15	Gây quỹ cho các hoạt động văn hóa nghệ thuật	2	Là một học phần có nội dung khá mới mẻ ở Việt Nam, giáo trình và tài liệu giảng dạy tương đối ít ỏi, hạn chế. Để biên soạn bài giảng cho phù hợp với ngành Quản lý Văn hóa trình độ thạc sĩ giảng viên cần phải sử dụng kết quả nghiên cứu thực tiễn, thâm nhập thực tế về công tác xã hội hóa tổ chức hoạt động văn hóa, xã hội hóa biểu diễn nghệ thuật, công tác gây quỹ, ủng hộ, từ thiện trong các lĩnh vực liên quan đến văn hóa và nghệ thuật.	[1] Tập bài giảng <i>Gây quỹ cho các hoạt động văn hóa nghệ thuật</i> (Tài liệu lưu hành nội bộ), Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa. [2] Nguyễn Thị Anh Quyên, Ngô Ánh Hồng, Đỗ Thị Thanh Thủy (2009), <i>Giáo trình gây quỹ và tìm tài trợ trong các tổ chức văn hóa-nghệ thuật</i> , Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội.
16	CĐNC16	Quản lý các thiết chế văn hóa, thể thao	3	- Cung cấp cho học viên hệ thống và khối lượng kiến thức về chính sách, pháp	[1] Tập bài giảng <i>Quản lý các thiết</i>

				luật, pháp lệnh về lĩnh vực quản lý thiết chế văn hóa, thể thao để người học hình thành tư duy logic, khoa học trong xử lý và giải quyết các vấn đề trong công tác quản lý. - Học phần cũng nhằm mục tiêu làm rõ các vấn đề mang tính lý luận và thực tiễn để người học quản lý các thiết chế văn hóa, thể thao theo đúng đường lối, chủ trương của Nhà nước, những quy định của pháp luật.	chế văn hóa, thể thao (Tài liệu lưu hành nội bộ), Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa. [2] Nguyễn Thị Thục (2016), <i>Thiết chế văn hóa cơ sở ở Thanh Hóa trong thời kỳ mới</i>
17	CĐNC17	Quản lý di sản văn hóa	3	Học phần Quản lý di sản văn hóa thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản lý văn hóa trình độ thạc sĩ. Học phần cung cấp cho người học hệ thống kiến thức về di sản văn hóa, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa; những quan điểm về quản lý, khai thác di sản văn hóa ở nước ta và trên thế giới hiện nay. Học phần cũng cung cấp cho sinh viên những cách thức, công cụ bảo vệ, phát huy giá trị di sản văn hóa về mặt khoa học, về mặt kỹ thuật, phát huy giá trị di sản văn hóa gắn với phát triển bền vững.	[1] Lê Thị Thảo (2019), <i>Tập bài giảng Quản lý Di sản văn hóa (tài liệu lưu hành nội bộ)</i>, Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa. [2] Lê Hồng Lý(2010), <i>Giáo trình quản lý di sản văn hóa với phát triển du lịch</i>, NXB Đại học quốc

					gia HN
18	CĐNC18	Quản lý dịch vụ văn hóa	3	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về dịch vụ văn hóa như khái niệm về dịch vụ văn hóa, dịch vụ văn hóa công; kiến thức về quản lý, quản lý dịch vụ; các mô hình quản lý, thị trường dịch vụ văn hóa, cách thức phát triển dịch vụ văn hóa trong một số lĩnh vực văn hóa nghệ thuật tiêu biểu; sự phát triển của dịch vụ văn hóa ở một số nước trên thế giới.	[1] Tập bài giảng <i>Quản lý dịch vụ văn hóa</i> (Tài liệu lưu hành nội bộ), Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa. [2] Cao Đức Hải (chủ biên) (2009), <i>Giáo trình quản lý dự án văn hóa nghệ thuật</i> , Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội
19	CĐNC19	Phát triển chính sách văn hóa	3	Kiến thức cơ bản về nghiên cứu xây dựng CSVH; các mô hình QLVH tiêu biểu hiện nay trên thế giới; Nội dung cơ bản của CSVH và những khuynh hướng nổi bật trong xây dựng CSVH hiện nay; Vấn đề hoàn thiện CSVH ở Việt Nam. Khả năng vận dụng kiến thức về xây dựng, quản lý, tổ chức thực hiện CSVH trong hoạt động thực tiễn	[1] Nguyễn Thị Thục, Tập bài giảng <i>Phát triển Chính sách Văn hóa</i> , Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa. [2] Lê Thị Hiền (2012), <i>Chính sách văn hóa</i> , NXB Hà Nội

20	CĐNC20	Quản lý nguồn lực văn hóa	3	Học phần Quản lý nguồn lực Văn hóa là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo cao học ngành Quản lý văn hóa, gồm 3 tín chỉ, cung cấp cho học viên những vấn đề khái quát về nguồn lực văn hóa; những kiến thức chuyên sâu về vai trò và đặc trưng của nguồn lực văn hóa; các loại nguồn lực văn hóa, đặc biệt là quản lý, phát triển nguồn lực văn hóa trong bối cảnh kinh tế thị trường hiện nay.	[1] Tập bài giảng <i>Quản lý nguồn lực văn hóa</i> (Tài liệu lưu hành nội bộ), Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa. [2] Nguyễn Thị Thanh Lan (2016), <i>Quản lý nguồn nhân lực trong các tổ chức văn hóa – nghệ thuật</i> , NXB Lao động
21	CĐNC21	Quản lý mỹ thuật	02	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về quản lý mỹ thuật như các văn bản pháp quy trong lĩnh vực mỹ thuật, các hoạt động mỹ thuật hiện hành như gallery thương mại, gallery phi thương mại, dịch vụ mỹ thuật, bảo tàng mỹ thuật... các kỹ năng xây dựng kế hoạch, thực hành được quy trình của một dự án mỹ thuật ở mức độ đơn giản. Trong quá trình học tập, học viên có thể vận dụng kiến thức của mình vào việc thực hành. Với thái độ tôn trọng, gìn giữ, bảo vệ và phát huy giá trị của các sự	[1] Tập bài giảng <i>Quản lý Mỹ thuật</i> (Tài liệu lưu hành nội bộ), Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa. [2] Chu Quang Trứ (2010), <i>Văn hoá Việt Nam nhìn từ Mỹ Thuật - T.1</i> , NXB Thời đại

				kiến mỹ thuật, phát huy những giá trị của tác phẩm. Đồng thời tạo điều kiện cho học viên có dịp nhận thức, hứng thú nghiên cứu học tập các môn chuyên ngành.	
--	--	--	--	--	--

3. Trình tự nội dung chương trình dạy học

Năm thứ nhất	
<i>Học kỳ 1 (17 TC)</i>	<i>Học kỳ 2 (13TC)</i>
1.Triết học (4 tín chỉ)	7. Xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển văn hóa (2 tín chỉ)
2.Tiếng Anh (theo khung tham chiếu B1 Châu Âu) (4 tín chỉ)	8. Quản lý sự kiện văn hóa (3 tín chỉ)
3. Phương pháp nghiên cứu khoa học văn hóa (3 tín chỉ)	9. Quản lý thị trường văn hóa (2 tín chỉ)
4. Truyền thông văn hóa (2 tín chỉ)	10. Marketing văn hóa- nghệ thuật (2 tín chỉ)
5. Quản lý văn hóa và phát triển bền vững (2 tín chỉ)	11. Phát triển văn hóa cộng đồng (2 tín chỉ)
6. Phát triển công nghiệp văn hóa (2 tín chỉ)	12. Nghệ thuật truyền thống Việt Nam (2 tín chỉ)
Năm thứ hai	
<i>Học kỳ 3 (15TC)</i>	<i>Học kỳ 4 (15TC)</i>
13. Quản lý các thiết chế văn hóa, thể thao (3 tín chỉ)	Luận văn: 15 TC
14. Quản lý di sản văn hóa (3 tín chỉ)	
15. Quản lý dịch vụ văn hóa (3 tín chỉ)	
16. Phát triển chính sách văn hóa(3 tín chỉ)	
17. Quản lý nguồn lực văn hóa (3 tín chỉ)	

4. Ma trận đóng góp của các học phần vào mức độ đạt chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo

Tên học phần	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo											
	PLO 1.1	PLO 1.2	PLO 1.3	PLO 2.1	PLO 2.2.	PLO 2.3	PLO 2.4	PLO 2.5	PLO 3.1	PLO 3.2	PLO 3.3.	PLO 3.4
Triết học	2	2	3	0	0	3	4	0	4	0	4	0

Tiếng Anh (theo khung tham chiếu B1 Châu Âu)	2	2	2	3	3	3	0	0	3	5	4	0
Phương pháp nghiên cứu khoa	2	2	2	3	3	3	0	0	4	0	4	4
Truyền thông văn hóa	1	2	0	3	3	4	4	0	5	5	5	5
Quản lý văn hóa và phát triển bền vững	2	0	3	4	0	4	4	0	5	0	5	5
Xã hội hóa hoạt động văn hoá - nghệ thuật	1	2	2	3	3	3	3	0	5	5	5	0
Quản lý sự kiện văn hóa	2	0	3	4	0	4	4	0	0	5	5	5
Phát triển công nghiệp văn hóa	2	3	3	0	0	4	4	0	5	5	5	0
Quản lý thị trường văn hóa	2	3	3	4	4	4	0	0	0	5	5	5
Phát triển văn hóa cộng đồng	2	2	3	4	0	0	0	0	0	0	5	5
Xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển văn hóa	2	2	3	4	0	4	0	0	5	5	3	5
Quản lý dịch vụ văn hóa	2	2	0	3	0	3	3	0	4	4	5	0
Quản lý các thiết chế văn hóa, thể thao	2	2	0	3	4	4	4	0	5	0	5	5
Quản lý di sản văn hóa	2	2	3	4	4	0	4	0	5	5	5	5
Quản lý nguồn lực văn hóa	2	2	3	4	4	0	0	0	5	5	0	0
Phát triển chính sách văn hóa	2	2	3	4	4	4	0	0	0	5	5	5
Marketing văn hóa-nghệ thuật	2	2	3	4	4	4	0	0	5	5	5	0
Quản lý hoạt động biểu diễn	2	2	3	3	3	4	4	0	5	5	5	0
Gây quỹ cho các hoạt động văn hóa nghệ thuật	2	2	3	3	3	0	4	0	5	5	6	0
Quản lý nguồn lực văn hóa	2	0	3	2	2	2	0	0	3	4	3	2
Nghệ thuật truyền thông Việt Nam	2	2	3	0	0	4	4	0	0	5	5	5

Luận văn	0	3	2	3	3	3	0	0	4	5	5	6
----------	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

Ghi chú: Các mức độ đóng góp:

- Đối với kiến thức: 1-Nhớ; 2-Hiểu; 3-Vận dụng; 4-Phân tích; 5-Đánh giá; 6-Sáng tạo.
- Đối với kỹ năng: 1-Nhớ; 2-Hiểu; 3-Vận dụng; 4-Phân tích; 5-Đánh giá; 6-Sáng tạo.
- Đối với mức độ tự chủ và trách nhiệm, năng lực cần thiết: 1-Tiếp nhận; 2-Đáp ứng/Hỏi đáp; 3- Hình thành giá trị/Đánh giá; 4-Tổ chức; 5-Tập hợp giá trị/Tính cách.

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
(theo định hướng ứng dụng)

Ngành/chuyên ngành: Quản lý Văn hóa

Trình độ: Thạc sĩ

Mã số: 8229042

I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Giới thiệu về Chương trình đào tạo

1.1. Khái quát về việc xây dựng chương trình

Trường ĐHVH,TT&DLTH được Bộ GD&ĐT cho phép đào tạo Thạc sĩ QLVH từ tháng 8 năm 2016 theo quyết định số 3073/QĐ-BGDĐT ngày 29/8/2016. Chương trình Thạc sĩ ngành Quản lý Văn hóa được xây dựng và phê duyệt lần đầu năm 2016, đã được điều chỉnh qua các năm: 2018 (Quyết định số 643/QĐ-ĐVTDT ngày 13/8/2018), 2020 (Quyết định số 887/QĐ-ĐVTDT ngày 16/9/2020); 2022 (Quyết định số 1103/QĐ-ĐVTDT ngày 22/7/2022) của Hiệu trưởng Trường ĐH Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.

Trong quá trình xây dựng và chỉnh sửa chương trình, chúng tôi đã tham khảo các chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Quản lý Văn hóa của các cơ sở đào tạo hàng đầu trong cả nước gồm: Trường Đại học Văn hóa Hà Nội, Đại học SPNT Trung ương, Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn- Đại học Quốc gia Hà Nội.

1.2. Cấu trúc tổng thể của chương trình

Chương trình đào tạo Thạc sĩ chuyên ngành Quản lý Văn hóa được theo định hướng ứng dụng gồm 60 tín chỉ được cấu trúc gồm 3 khối kiến thức: Khối kiến thức chung gồm 8 TC (bắt buộc), Khối kiến thức cơ sở gồm 07 TC (03 TC bắt buộc, 04 TC tự chọn), Khối kiến thức chuyên ngành gồm 30 TC (15 TC bắt buộc, 15 TC tự chọn); thực tập gồm 06 TC; đề án gồm 09 TC.

1.3. Đội ngũ thực hiện chương trình

Đội ngũ giảng viên tham gia thực hiện chương trình đào tạo Thạc sĩ chuyên ngành Quản lý Văn hóa gồm 23 người có trình độ đạt chuẩn (20 Tiến sĩ, 03 Phó giáo sư), có năng lực chuyên môn vững vàng, nhiều thâm niên đào tạo Thạc sĩ và Tiến sĩ; nhiều kinh nghiệm về biên soạn sách chuyên khảo, tài liệu tham khảo, bài giảng, thẩm định các đề tài, dự án; có trách nhiệm cao với người học/công việc và say mê nghề nghiệp. Trong quá trình đào tạo, nhà trường còn nhận được sự phối hợp, cộng tác mật thiết, có trách nhiệm cao của nhiều nhà khoa học (GS, PGS, TS) từ nhiều cơ sở đào tạo uy tín khác.

1.4. Cơ sở vật chất thực hiện chương trình

Trường Đại học VH,TT&DL Thanh Hóa có tổng diện tích là 70595m², với hệ thống CSVC và các trang thiết bị đáp ứng được yêu cầu đào tạo và NCKH của Nhà trường nói chung

và ngành QLVH nói riêng. Nhà trường có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng phù hợp và đảm bảo tỉ lệ diện tích/NH theo quy định để hỗ trợ các hoạt động đào tạo phục vụ CTĐT QLVH theo quy định hiện hành. Phòng làm việc, phòng thực hành và phòng chức năng có đủ trang thiết bị phục vụ tốt cho dạy và học ngành QLVH như: máy tính, máy in, điều hòa, bộ phát wifi, thiết bị nghe nhìn, điện thoại, bàn ghế, hệ thống âm thanh. Trung tâm Thông tin - Thư viện có chức năng phục vụ hoạt động giảng dạy, học tập, đào tạo, nghiên cứu khoa học, triển khai ứng dụng khoa học công nghệ và quản lý của Nhà trường.

2. Thông tin chung về Chương trình đào tạo

13. Tên ngành/chuyên ngành đào tạo (<i>Tiếng Việt, tiếng Anh</i>): <i>Tiếng Việt: Quản lý Văn hóa</i> <i>Tiếng Anh: Cultural management</i>
14. Mã số ngành/chuyên ngành đào tạo: 8229042
15. Trình độ đào tạo: <i>Thạc sĩ</i>
16. Thời gian đào tạo: 18 – 24 tháng
17. Tên văn bằng tốt nghiệp: Thạc sĩ
18. Đơn vị được giao nhiệm vụ: Phòng Đào tạo SDH
19. Hình thức đào tạo: Xét tuyển
20. Số tín chỉ: 60
21. Thang điểm:
22. Ngôn ngữ sử dụng: Tiếng Việt
23. Ngày tháng ban hành: 22/07/2022
24. Phiên bản chỉnh sửa: Chỉnh sửa lần 1: năm 2018 (Quyết định số 643/QĐ-ĐVTDĐT ngày 13/8/2018) Chỉnh sửa lần 2: năm 2020 (Quyết định số 887/QĐ-ĐVTDĐT ngày 16/9/2020) Chỉnh sửa lần 3: năm 2022 (Quyết định số 1103/QĐ-ĐVTDĐT ngày 22/7/2022)

3. Mục tiêu đào tạo của chương trình đào tạo

Triển khai theo 3 vấn đề được nêu tại Điều 4 Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT²

3.1. Mục tiêu tổng quát

Mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực có năng lực phát triển kết quả nghiên cứu cơ bản trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch; ứng dụng các công nghệ nguồn thành các giải pháp công nghệ trong phát hiện và giải quyết các vấn đề về thực tiễn quản lý văn hóa – nghệ thuật; Có năng lực phát hiện, phân tích và giải quyết các vấn đề về văn hóa- nghệ thuật; Tham gia nghiên cứu các đề tài, dự án nghiên cứu về quản lý của các địa phương, đơn vị công tác.

3.2. Mục tiêu cụ thể

² Điều 4. Mục tiêu của chương trình đào tạo

1. Phải nêu rõ kỳ vọng của cơ sở đào tạo về năng lực và triển vọng nghề nghiệp của người tốt nghiệp chương trình đào tạo.
2. Phải thể hiện được định hướng đào tạo: định hướng nghiên cứu, định hướng ứng dụng hoặc định hướng nghề nghiệp; đáp ứng nhu cầu của giới tuyển dụng và các bên liên quan.
3. Phải phù hợp và gắn kết với sứ mạng, tầm nhìn, chiến lược phát triển của cơ sở đào tạo, nhu cầu của xã hội; phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học theo quy định tại Luật Giáo dục đại học và mô tả trình độ theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

PO1: *Hiểu kiến thức thực tế và lý thuyết chuyên sâu về quản lý văn hóa, phát triển văn hóa của địa phương, các tổ chức và doanh nghiệp trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế và toàn cầu hóa;*

PO2: *Trang bị kiến thức, kỹ năng truyền đạt tri thức về các vấn đề thuộc lĩnh vực quản lý văn hóa; thực thi các chính sách văn hóa của Nhà nước và của địa phương, xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược, kế hoạch, các dự án phát triển văn hóa của địa phương, tổ chức và doanh nghiệp;*

PO3: *Hình thành năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm với cộng đồng trong hoạt động nghề nghiệp và tự chịu trách nhiệm với nghề về chất lượng và hiệu quả công việc theo kế hoạch đã lập ra; hướng dẫn truyền bá phổ biến kiến thức thuộc ngành đào tạo. Năng lực tự nghiên cứu, tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ với định hướng nghề nghiệp.*

PO4: *Rèn luyện kiến thức kỹ năng học tập suốt đời, năng lực tự nghiên cứu, tác phong chuyên nghiệp, khả năng vận dụng kiến thức chuyên môn nghiệp vụ vào thực tiễn một cách chủ động và sáng tạo; biết cách tiếp cận giải quyết các vấn đề về quản lý văn hóa trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế.*

4. Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo

4.1. Kiến thức:

- **PLO1.1.** *Hiểu kiến thức thực tế và lý thuyết chuyên sâu về quản lý văn hóa, phát triển văn hóa của địa phương, các tổ chức và doanh nghiệp trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế và toàn cầu hóa;*

- **PLO1.2.** *Áp dụng kiến thức về xây dựng và tổ chức thực hiện các chiến lược, kế hoạch, chương trình, dự án trong lĩnh vực văn hóa của địa phương, tổ chức và doanh nghiệp;*

- **PLO1.3.** *Vận dụng được các kiến thức tổng quát về văn hóa, hoạt động của các lĩnh vực văn hóa và quản lý nhà nước về văn hóa, các kiến thức chung về pháp luật, pháp luật văn hóa, kiến thức chung về lịch sử, văn hóa, xã hội có liên quan đến quản lý văn hóa trong các hoạt động chuyên môn và học thuật.*

4.2. Kỹ năng

- **PLO2.1.** *Sử dụng thành thạo các công cụ phân tích để thu thập, xử lý thông tin hỗ trợ cho việc ra quyết định trong lĩnh vực quản lý văn hóa.*

- **PLO2.2.** *Có kỹ năng truyền đạt tri thức về các vấn đề thuộc lĩnh vực quản lý văn hóa*

- **PLO2.3.** *Có kỹ năng tổ chức, thực thi các chính sách văn hóa của Nhà nước và của địa phương, kỹ năng xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược, kế hoạch, các dự án phát triển văn hóa của địa phương, tổ chức và doanh nghiệp;*

- **PLO2.4.** *Có kỹ năng nghiên cứu, hoàn thiện các chính sách, hoạt động quản lý văn hóa của địa phương, tổ chức và doanh nghiệp;*

- **PLO2.5.** *Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt*

Nam.

4.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm, năng lực cần thiết

- **PLO3.1.** Có năng lực tổ chức nghiên cứu thực tế văn hóa của địa phương, tổ chức xây dựng các chính sách văn hóa, chiến lược, kế hoạch, các dự án phát triển văn hóa của địa phương, tổ chức và doanh nghiệp;

- **PLO3.2.** Có khả năng thích nghi, tự định hướng trong môi trường văn hóa - xã hội, môi trường kinh tế trong văn hóa và văn hóa trong kinh tế biến động.

- **PLO3.3.** Có khả năng đưa ra những kết luận, đánh giá và bảo vệ quan điểm mang tính chuyên gia trong lĩnh vực quản lý văn hóa;

- **PLO3.4.** Có khả năng đánh giá tổng hợp và đề xuất cải tiến các hoạt động quản lý văn hóa của địa phương, của tổ chức và doanh nghiệp.

5. Chuẩn đầu vào của Chương trình đào tạo

Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp; đối với chương trình định hướng nghiên cứu yêu cầu hạng tốt nghiệp từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu;

Có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Đáp ứng các yêu cầu khác của chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và theo quy định của chương trình đào tạo.

6. Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo

Mục tiêu CTĐT	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo											
	PLO 1.1	PLO 1.2	PLO 1.3	PLO 2.1	PLO 2.2	PLO 2.3	PLO 2.4	PLO 2.5	PLO 3.1	PLO 3.2	PLO 3.3	PLO 3.4
PO1	2	3	5	6	2	2	3	3	5	6	3	2
PO2	2	2	2	2	3	2	3	3	2	3	2	3
PO3	3	2	5	6	2	3	2	3	4	2	5	6
PO4	2	2	3	2	4	2	5	6	2	3	2	2

Ghi chú: số cột tùy thuộc vào chuẩn đầu ra của mỗi nhóm; số dòng tùy thuộc vào mục tiêu, ghi mức độ đạt được tương ứng giữa mục tiêu với chuẩn đầu ra, trong đó:

- Đối với kiến thức: 1-Nhớ; 2-Hiểu; 3-Vận dụng; 4-Phân tích; 5-Đánh giá; 6-Sáng tạo.
- Đối với kỹ năng: 1-Nhớ; 2-Hiểu; 3-Vận dụng; 4-Phân tích; 5-Đánh giá; 6-Sáng tạo.
- Đối với mức độ tự chủ và trách nhiệm, năng lực cần thiết: 1-Tiếp nhận; 2-Đáp ứng/Hỏi đáp; 3- Hình thành giá trị/Đánh giá; 4-Tổ chức; 5-Tập hợp giá trị/Tính cách.

7. Phương pháp dạy - học và phương pháp kiểm tra đánh giá

7.1. Phương pháp dạy - học

Các phương pháp dạy học: Chương trình sử dụng đa dạng các phương pháp dạy - học sau:

- + Nhóm PP dạy - học trực tiếp (thuyết trình, thảo luận,);
- + Nhóm PP dạy - học kích não (bản đồ tư duy, nghiên cứu xử lý tình huống, đặt vấn đề/giải quyết vấn đề,...)

- + Nhóm PP dạy - học tương tác (đóng kịch nhập vai, mô hình ứng xử,...);
- + Nhóm PP dạy - học ứng dụng công nghệ (dạy học trực tuyến,...);
- + Nhóm PP dạy - học độc lập (tự học, kiểm tra cá nhân,...).
- + Phương pháp chuyên gia (mô hình, dự án, đề án,...)

7.2. Các phương pháp đánh giá

- Đánh giá quá trình (10%): Chuyên cần, thuyết trình, vấn đáp, thảo luận/hoạt động nhóm, viết tiểu luận...

- Đánh giá giữa kỳ (20%): Tự luận, vấn đáp...

- Đánh giá cuối kỳ (70%): Tự luận, vấn đáp, tiểu luận...

II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

1. Cấu trúc Chương trình đào tạo

STT	Khối kiến thức, số tín chỉ (TC)	Loại học phần	Số TC
1	Kiến thức chung: 08 TC	Bắt buộc	08
		Tự chọn	0
2	Kiến thức ngành/ chuyên ngành: 37 TC		37
2.1	Kiến thức cơ sở ngành: 07 TC	Bắt buộc	03
		Tự chọn	04
2.2	Kiến thức chuyên ngành: 30 TC	Bắt buộc	15
		Tự chọn	15
3	Thực tập: 06 TC		06
4	Đề án/ Dự án: 09 TC		09
	Tổng số tín chỉ của CTĐT: 60 TC		

2. Danh sách và mô tả các học phần

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu dạy học
1	KTC01	Triết học	4	Học phần Triết học Mác – Lênin cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản về chủ nghĩa duy vật biện chứng, phép biện chứng duy vật, chủ nghĩa duy vật lịch sử. Từ những lý luận cơ bản theo quan điểm của Chủ nghĩa Mác Lênin đòi hỏi phải có sự cập nhật thông tin thường xuyên và liên tục nhằm làm sáng tỏ những luận điểm đã nêu, đồng	[1] Bộ giáo dục và đào tạo (2022), <i>Giáo trình Triết học</i> (Dùng trong đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ và các ngành khoa học xã hội nhân văn không chuyên ngành Triết học), Nxb. Đại học sư phạm. [2] Doãn Chính, <i>Lịch sử tư tưởng phương Đông và Việt Nam</i> , Nxb chính trị quốc gia.

				thời có sự vận dụng sáng tạo trong tình hình cụ thể của đất nước nhằm giúp sinh viên hiểu được: - Lịch sử hình thành, phát triển của triết học phương Đông, phương Tây và triết học Mác – Lênin; - Những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử; - Vai trò của triết học Mác – Lênin đối với sự hình thành và phát triển của đời sống xã hội.	
2	KTC02	Tiếng Anh (theo khung tham chiếu B1 Châu Âu)	4	Học phần Ngoại ngữ (Tiếng Anh) là học phần trong chương trình đào tạo Thạc sĩ của tất cả các chuyên ngành, được bố trí giảng dạy trong học kỳ đầu của khóa đào tạo. Cung cấp cho học viên những kiến thức về ngôn ngữ tiếng Anh, rèn luyện và phát triển kỹ năng giao tiếp, giúp cho học viên phương pháp học tiếng Anh có hiệu quả. Cụ thể là, sau khi kết thúc học phần, người học phải đạt được năng lực giao tiếp ở trình độ trung cấp bậc 4 (theo khung năng lực Ngoại ngữ Việt Nam) hoặc trình độ B2 (theo khung tham chiếu chung Châu Âu (CEFR), bao gồm tri thức về bình diện ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp), kiến thức hiểu biết về văn hóa các nước nói tiếng Anh và kỹ năng thực hành ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết), trong đó, kỹ năng	[1]Giáo trình Liz (2009), <i>New headway</i> 3, NXB Lao động [2] Lê Huy Lâm (2007), <i>Writing</i>, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

				đọc, hiểu, dịch phải ở mức thành thạo.	
3	CNBB03	Phương pháp nghiên cứu khoa học văn hóa	3	Môn học cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng căn bản trong nghiên cứu khoa học (NCKH) chuyên ngành văn hóa, đồng thời rèn luyện khả năng áp dụng các phương pháp nghiên cứu vào thực tiễn. Học viên sẽ được tiếp cận với quy trình nghiên cứu, từ xác định vấn đề, lựa chọn phương pháp phù hợp đến thu thập, phân tích và đánh giá dữ liệu trong nghiên cứu văn hóa. Trong khuôn khổ học phần, học viên sẽ thực nghiệm các phương pháp và quy trình nghiên cứu đối với hai lĩnh vực chính: văn hóa phi vật thể và văn hóa vật thể. Đồng thời, học viên sẽ áp dụng một số phương pháp nghiên cứu căn bản vào các đối tượng văn hóa cụ thể, từ đó rút ra nhận định khoa học và đề xuất hướng nghiên cứu phù hợp.	[1] Tập bài giảng <i>Phương pháp nghiên cứu khoa học văn hóa</i> (Tài liệu lưu hành nội bộ tại Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa) [2] Barker, Chris (2011), <i>Nghiên cứu văn hóa</i>, NXB Văn hóa Thông tin
4	CNBB04	Truyền thông văn hóa	3	Môn học tập trung vào việc nghiên cứu mối quan hệ giữa truyền thông và văn hóa trong bối cảnh toàn cầu hóa, từ đó giúp người học hiểu sâu hơn về cách truyền thông tác động đến sự hình thành, duy trì và biến đổi bản sắc văn hóa.	[1] Tập bài giảng <i>Truyền thông văn hóa</i> (Tài liệu lưu hành nội bộ tại Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa) [2] Hoàng Minh Tường (2009), <i>Công tác quản lý nhà nước về thông tin – truyền thông và vai trò</i>

				Nội dung học phần bao gồm các lý thuyết nền tảng về truyền thông và văn hóa, trong đó nhấn mạnh đến vai trò của truyền thông trong việc kiến tạo bản sắc cá nhân, cộng đồng và quốc gia. Đồng thời, học phần cũng đi sâu vào phân tích ảnh hưởng của truyền thông đại chúng đối với văn hóa đại chúng và sự phát triển con người Việt Nam hiện nay. Học phần này không chỉ trang bị cho người học nền tảng học thuật vững chắc mà còn cung cấp các công cụ phân tích hữu ích để áp dụng trong các lĩnh vực như báo chí, quan hệ công chúng, quảng cáo, quản trị văn hóa và truyền thông số.	<i>của cán bộ VHHT cơ sở,</i> NXB Thanh Hóa
5	CNBB05	Quản lý văn hóa và phát triển bền vững	2	Nhận thức căn bản về những quy luật căn bản của kinh tế và văn hóa trong bối cảnh kinh tế thị trường và toàn cầu hóa ở thế kỷ XXI; Vai trò vị thế của văn hóa trong phát triển; Nhận dạng và nghiên cứu thực tiễn văn hóa và phát triển ở Việt Nam; Có khả năng nghiên cứu, đánh giá các hình thái văn hóa trong bối cảnh kinh tế thị trường và quá	[1] Tập bài giảng <i>Quản lý văn hóa và phát triển bền vững</i> (Tài liệu lưu hành nội bộ tại Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa) [2] Phạm Văn Đồng (1996), <i>Văn hóa và sự phát triển các dân tộc ở Việt Nam</i>, NXB Văn hóa dân gian

				trình toàn cầu hóa ở Việt Nam; Phân tích- dự báo trong công tác QLVH nhằm giữ gìn và phát huy văn hóa truyền thống Việt Nam trong bối cảnh kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế một cách hiệu quả.	
6	CNBB06	Xã hội hóa hoạt động văn hoá - nghệ thuật	2	Học phần cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn về quá trình xã hội hoá nghệ thuật, đặc biệt là vai trò của các chủ thể xã hội ngoài khu vực nhà nước trong việc tham gia tổ chức, sản xuất, phân phối và tiêu thụ các sản phẩm văn hoá nghệ thuật. Người học sẽ được trang bị kiến thức về bản chất, vai trò, động lực và cơ chế thực hiện xã hội hoá; phân tích các mô hình xã hội hoá trong nước và quốc tế; đánh giá các chính sách, pháp luật liên quan; đồng thời rèn luyện kỹ năng xây dựng kế hoạch, triển khai và quản lý các hoạt động văn hoá nghệ thuật theo hướng xã hội hoá hiệu quả và bền vững.	[1] Tập bài giảng <i>Xã hội hóa hoạt động văn hoá - nghệ thuật</i> (Tài liệu lưu hành nội bộ tại Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa) [2] Huỳnh Khái Vinh (1996), <i>Văn hóa văn nghệ vì sự nghiệp phát triển xã hội</i> , NXB Văn học
7	CNBB07	Quản lý sự kiện văn hóa	3	- Nắm được nội hàm của các khái niệm cơ bản như sự kiện, sự kiện văn hóa; - Nắm vững các tiêu chí chủ yếu để phân loại các	[1] Hà Đình Hùng (2021), Tập bài giảng <i>Quản lý Sự kiện văn hóa</i> (Tài liệu lưu hành nội bộ), Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.

				sự kiện; - Nắm được cách thức tổ chức và hoạt động của các sự kiện nói chung; - Nắm được cách thức tổ chức và hoạt động của các sự kiện văn hóa và cách thức quản lý sự kiện văn hóa - Phân loại được các loại sự kiện theo các tiêu chí chủ yếu; - Áp dụng các kiến thức được học để tiến hành Tổ chức và quản lý các sự kiện văn hóa; - Có phương pháp quản lý các sự kiện văn hóa.	[2] Cao Đức Hải, (2010), <i>Quản lý lễ hội và sự kiện</i>, NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội.
8	CNBB08	Phát triển công nghiệp văn hóa	2	Học phần cung cấp nền tảng lý luận và thực tiễn về công nghiệp văn hóa, bao gồm khái niệm, đặc điểm, cơ cấu và vai trò của ngành này trong nền kinh tế - xã hội. Học viên sẽ được trang bị kỹ năng phân tích, đánh giá các mô hình công nghiệp văn hóa trong và ngoài nước, từ đó vận dụng vào thực tiễn phát triển ngành. Đồng thời, học phần giúp nâng cao nhận thức về chính sách quản lý văn hóa, khuyến khích tư duy sáng tạo và ứng dụng các giải pháp phù hợp với bối cảnh phát triển hiện nay. Ngoài ra, học phần cũng đề cập đến kinh nghiệm quốc tế, xu hướng phát triển,	[1] Lê Thị Bích Thủy, Nguyễn Thị Thủy (2023) Giáo trình <i>Phát triển công nghiệp văn hóa</i>, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội [2] Phạm Bích Huyền, Phạm Hoài Thu (2009), Giáo trình <i>Các ngành công nghiệp văn hóa</i>, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

				chính sách hỗ trợ của Nhà nước và tác động của cách mạng công nghiệp 4.0 đối với ngành công nghiệp văn hóa.	
9	CNBB09	Quản lý thị trường văn hóa	2	Nắm vững những vấn đề lý luận cơ bản về thị trường, thị trường văn hóa; quản lý thị trường văn hóa trong phát triển kinh tế xã hội hiện nay. Định hướng được những yếu tố tác động và xu thế phát triển của thị trường văn hóa trong tương lai. Có khả năng nghiên cứu, giảng dạy và tham gia các hoạt động liên quan đến việc quản lý thị trường văn hóa.	[1] Tập bài giảng <i>Quản lý thị trường văn hóa</i> (Tài liệu lưu hành nội bộ tại Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa) [2] Lê Ngọc Tòng, (2016), <i>Giáo trình kinh tế học văn hóa</i> , NXB Lý luận chính trị
10	CNBB10	Phát triển văn hóa cộng đồng	2	Học phần “Phát triển văn hóa cộng đồng” giúp học viên nhận thức được vai trò của văn hóa cộng đồng trong phát triển bền vững, nắm vững các khái niệm, nội dung, nguyên tắc và phương pháp triển khai các hoạt động phát triển văn hóa trong cộng đồng dân cư. Học viên sẽ được rèn luyện năng lực phân tích, lập kế hoạch và đề xuất các mô hình phát triển văn hóa gắn với đặc trưng cộng đồng địa phương.	[1] Tập bài giảng <i>Phát triển văn hóa cộng đồng</i> (Tài liệu lưu hành nội bộ tại Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa) [2] Lương Hồng Quang (2018), <i>Phát triển văn hóa dựa vào cộng đồng</i> , NXB Đại học Quốc gia
11	CNBB11	Xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển văn hóa	2	Học phần Xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển văn hóa thuộc khối	[1] Nguyễn Thị Thục, <i>TBG Xây dựng kế hoạch, chiến lược phát</i>

				kiến thức chuyên ngành. Với thiết kế 4 chương, nội dung học phần cung cấp cho HV: Những vấn đề lý luận chung về kế hoạch, chiến lược phát triển văn hóa; Vận dụng lý thuyết, phương pháp nghiên cứu hiện đại trong xây dựng kế hoạch và chiến lược phát triển văn hóa; Quy trình xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển văn hóa; Quy trình xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược phát triển văn hóa. Vận dụng những vấn đề lý luận chung; lý thuyết nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu trong kiến thức trong xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển văn hóa; đánh giá, phân tích và so sánh với thực tiễn	<i>triển văn hóa</i>, Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa. [2] Đoàn Thị Thu Hà (chủ biên) (tái bản năm 2008), <i>Giáo trình khoa học quản lý</i>, tập 2, Nxb Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội.
12	CNTC12	Quản lý dịch vụ văn hóa	3	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về dịch vụ văn hóa như khái niệm về dịch vụ văn hóa, dịch vụ văn hóa công; kiến thức về quản lý, quản lý dịch vụ; các mô hình quản lý, thị trường dịch vụ văn hóa, cách thức phát triển dịch vụ văn hóa trong một số lĩnh vực văn hóa nghệ thuật tiêu biểu; sự phát triển của dịch vụ văn hóa ở một số nước trên thế	[1] Tập bài giảng <i>Quản lý dịch vụ văn hóa</i> (Tài liệu lưu hành nội bộ), Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa. [2] Cao Đức Hải (<i>chủ biên</i>) (2009), <i>Giáo trình quản lý dự án văn hóa nghệ thuật</i>, Nxb. <i>Đại học Quốc gia Hà Nội</i>

				giới.	
13	CNTC13	Quản lý các thiết chế văn hóa, thể thao	3	- Cung cấp cho học viên hệ thống và khối lượng kiến thức về chính sách, pháp luật, pháp lệnh về lĩnh vực quản lý thiết chế văn hóa, thể thao để người học hình thành tư duy logic, khoa học trong xử lý và giải quyết các vấn đề trong công tác quản lý. - Học phần cũng nhằm mục tiêu làm rõ các vấn đề mang tính lý luận và thực tiễn để người học quản lý các thiết chế văn hóa, thể thao theo đúng đường lối, chủ trương của Nhà nước, những quy định của pháp luật.	[1] Tập bài giảng <i>Quản lý các thiết chế văn hóa, thể thao</i> (Tài liệu lưu hành nội bộ), Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa. [2] Nguyễn Thị Thục (2016), <i>Thiết chế văn hóa cơ sở ở Thanh Hóa trong thời kỳ mới</i>
14	CNTC14	Quản lý di sản văn hóa	3	Học phần Quản lý di sản văn hóa thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản lý văn hóa trình độ thạc sĩ. Học phần cung cấp cho người học hệ thống kiến thức về di sản văn hóa, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa; những quan điểm về quản lý, khai thác di sản văn hóa ở nước ta và trên thế giới hiện nay. Học phần cũng cung cấp cho sinh viên những cách thức, công cụ bảo vệ, phát huy giá	[1] Lê Thị Thảo (2019), <i>Tập bài giảng Quản lý Di sản văn hóa (tài liệu lưu hành nội bộ)</i>, Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa. [2] Lê Hồng Lý(2010), <i>Giáo trình quản lý di sản văn hóa với phát triển du lịch</i>, NXB Đại học quốc gia HN

				trị di sản văn hóa về mặt khoa học, về mặt kỹ thuật, phát huy giá trị di sản văn hóa gắn với phát triển bền vững.	
15	CĐTC15	Quản lý nguồn lực văn hóa	3	Học phần Quản lý nguồn lực Văn hóa là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo cao học ngành Quản lý văn hóa, gồm 3 tín chỉ, cung cấp cho học viên những vấn đề khái quát về nguồn lực văn hóa; những kiến thức chuyên sâu về vai trò và đặc trưng của nguồn lực văn hóa; các loại nguồn lực văn hóa, đặc biệt là quản lý, phát triển nguồn lực văn hóa trong bối cảnh kinh tế thị trường hiện nay.	[1] Tập bài giảng <i>Quản lý nguồn lực văn hóa</i> (Tài liệu lưu hành nội bộ), Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa. [2] Nguyễn Thị Thanh Lan (2016), <i>Quản lý nguồn nhân lực trong các tổ chức văn hóa – nghệ thuật</i> , NXB Lao động
16	CĐTC16	Phát triển chính sách văn hóa	3	Kiến thức cơ bản về nghiên cứu xây dựng CSVH; các mô hình QLVH tiêu biểu hiện nay trên thế giới; Nội dung cơ bản của CSVH và những khuynh hướng nổi bật trong xây dựng CSVH hiện nay; Vấn đề hoàn thiện CSVH ở Việt Nam. Khả năng vận dụng kiến thức về xây dựng, quản lý, tổ chức thực hiện CSVH trong hoạt động thực tiễn	[1] Nguyễn Thị Thục, Tập bài giảng <i>Phát triển Chính sách Văn hóa</i> , Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa. [2] Lê Thị Hiền (2012), <i>Chính sách văn hóa</i> , NXB Hà Nội
17	CĐTC17	Marketing văn hóa- nghệ thuật	2	Học phần cung cấp nền tảng chuyên sâu về chiến lược và ứng dụng marketing trong lĩnh vực	[1] Tập bài giảng <i>Marketing văn hóa- nghệ thuật</i> (Tài liệu lưu hành nội bộ), Trường Đại học Văn hóa, Thể

			văn hóa và nghệ thuật. Mục tiêu của học phần là giúp học viên nắm vững các nguyên tắc marketing hiện đại, phân tích đặc thù của thị trường văn hóa nghệ thuật và áp dụng các phương pháp nghiên cứu hành vi công chúng một cách khoa học. Học viên sẽ được trang bị kỹ năng xây dựng và triển khai các chiến lược marketing hiệu quả, bao gồm quản trị thương hiệu, định vị sản phẩm, chiến lược giá cả, kênh phân phối và truyền thông tích hợp. Đặc biệt, học phần tập trung vào việc khai thác công nghệ số và các nền tảng truyền thông trực tuyến để tối ưu hóa hoạt động quảng bá sản phẩm văn hóa nghệ thuật. Bên cạnh đó, học viên sẽ phát triển khả năng đánh giá hiệu quả chiến dịch marketing, điều chỉnh chiến lược dựa trên phản hồi từ thị trường, cũng như quản trị rủi ro trong lĩnh vực này. Thông qua các nghiên cứu tình huống và dự án thực tiễn, học viên sẽ có cơ hội nâng cao tư duy chiến lược và năng lực quản lý marketing trong	thao và Du lịch Thanh Hóa. [2] Nguyễn Thị Lan Thanh (2014), <i>Marketing văn hóa-nghệ thuật</i>, NXB Lao động
--	--	--	---	--

				môi trường văn hóa nghệ thuật đa dạng và không ngừng biến đổi.	
18	CĐTC18	Quản lý hoạt động biểu diễn	2	Trang bị cho học viên những kiến thức về các hoạt động nghệ thuật cũng như hệ thống chính sách, quan điểm, đường lối, luật, nghị định của nhà nước về các vấn đề thủ tục cấp phép, những vấn đề nghiêm cấm của hoạt động biểu diễn nghệ thuật hiện nay. Những tồn tại, hạn chế và các giải pháp phát triển các hoạt động nghệ thuật. Học viên biết vận dụng và có phương pháp quản lý linh hoạt các hoạt động này trong giai đoạn hiện nay.	[1] Tập bài giảng <i>Quản lý hoạt động biểu diễn</i> (Tài liệu lưu hành nội bộ), Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.
19	CĐTC19	Gây quỹ cho các hoạt động văn hóa nghệ thuật	2	Là một học phần có nội dung khá mới mẻ ở Việt Nam, giáo trình và tài liệu giảng dạy tương đối ít ỏi, hạn chế. Để biên soạn bài giảng cho phù hợp với ngành Quản lý Văn hóa trình độ thạc sĩ giảng viên cần phải sử dụng kết quả nghiên cứu thực tiễn, thâm nhập thực tế về công tác xã hội hóa tổ chức hoạt động văn hóa, xã hội hóa biểu diễn nghệ thuật, công tác gây quỹ, ủng hộ, từ thiện trong các lĩnh vực liên quan đến văn hóa và nghệ thuật.	[1] Tập bài giảng <i>Gây quỹ cho các hoạt động văn hóa nghệ thuật</i> (Tài liệu lưu hành nội bộ), Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa. [2] Nguyễn Thị Anh Quyên, Ngô Ánh Hồng, Đỗ Thị Thanh Thủy (2009), <i>Giáo trình gây quỹ và tìm tài trợ trong các tổ chức văn hóa-nghệ thuật</i> , Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội.
20	CĐTC20	Nghệ thuật truyền thống Việt Nam	2	Nhận thức căn bản về một số loại hình nghệ thuật truyền thống tiêu	[1] Vi Minh Huy, Trần Việt Anh, Tập bài giảng <i>Nghệ thuật truyền thống Việt Nam</i>

				biểu Việt Nam. Hiểu biết được khái quát của diễn trình, đặc trưng thẩm mỹ, giá trị văn hóa xã hội của mỗi loại hình. Có khả năng nghiên cứu, đánh giá giá trị của mỗi loại hình nghệ thuật truyền thống để giữ gìn và phát huy trong bối cảnh kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế .	(Tài liệu lưu hành nội bộ), Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.
--	--	--	--	--	--

3. Trình tự nội dung chương trình dạy học

Năm thứ nhất	
Học kỳ 1 (17 TC)	Học kỳ 2 (15 TC)
1.Triết học(4 tín chỉ)	7. Quản lý sự kiện văn hóa (3 tín chỉ)
2.Tiếng Anh (theo khung tham chiếu B1 Châu Âu) (4 tín chỉ)	8.Quản lý thị trường văn hóa (2 tín chỉ)
3. Phương pháp nghiên cứu khoa học văn hóa (3 tín chỉ)	9.Phát triển văn hóa cộng đồng (2 tín chỉ)
4. Quản lý văn hóa và phát triển bền vững (2 tín chỉ)	10.Xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển văn hóa (2 tín chỉ)
5. Truyền thông văn hóa (2 tín chỉ)	11.Quản lý dịch vụ văn hóa (3 tín chỉ)
6. Phát triển công nghiệp văn hóa (2 tín chỉ)	12. Quản lý các thiết chế văn hóa, thể thao (3 tín chỉ)
Năm thứ hai	
Học kỳ 3 (13 TC)	Học kỳ 4(15 TC)
13. Quản lý nguồn lực văn hóa (3 tín chỉ)	Thực tập: 06 TC Đề án: 09 TC
14. Marketing văn hóa – nghệ thuật (2 tín chỉ)	
15. Quản lý dịch vụ văn hóa (3 tín chỉ)	
16. Nghệ thuật truyền thống Việt Nam (2tín chỉ)	
17. Quản lý di sản văn hóa (3 tín chỉ)	

4. Ma trận đóng góp của các học phần vào mức độ đạt chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo

Tên học phần	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo											
	PLO 1.1	PLO 1.2	PLO 1.3	PLO 2.1	PLO 2.2.	PLO 2.3	PLO 2.4	PLO 2.5	PLO 3.1	PLO 3.2	PLO 3.3.	PLO 3.4

Triết học	2	2	3	0	0	3	4	0	4	0	4	0
Tiếng Anh (theo khung tham chiếu B1 Châu Âu)	2	2	2	3	3	3	0	0	3	5	4	0
Phương pháp nghiên cứu khoa học văn hóa	2	2	2	3	3	3	0	0	4	0	4	4
Truyền thông văn hóa	1	2	0	3	3	4	4	0	5	5	5	5
Quản lý văn hóa và phát triển bền vững	2	0	3	4	0	4	4	0	5	0	5	5
Xã hội hóa hoạt động văn hoá - nghệ thuật	1	2	2	3	3	3	3	0	5	5	5	0
Quản lý sự kiện văn hóa	2	0	3	4	0	4	4	0	0	5	5	5
Phát triển công nghiệp văn hóa	2	3	3	0	0	4	4	0	5	5	5	0
Quản lý thị trường văn hóa	2	3	3	4	4	4	0	0	0	5	5	5
Phát triển văn hóa cộng đồng	2	2	3	4	0	0	0	0	0	0	5	5
Xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển văn hóa	2	2	3	4	0	4	0	0	5	5	3	5
Quản lý dịch vụ văn hóa	2	2	0	3	0	3	3	0	4	4	5	0
Quản lý các thiết chế văn hóa, thể thao	2	2	0	3	4	4	4	0	5	0	5	5
Quản lý di sản văn hóa	2	2	3	4	4	0	4	0	5	5	5	5
Quản lý nguồn lực văn hóa	2	2	3	4	4	0	0	0	5	5	0	0
Phát triển chính sách văn hóa	2	2	3	4	4	4	0	0	0	5	5	5
Marketing văn hóa- nghệ thuật	2	2	3	4	4	4	0	0	5	5	5	0
Quản lý hoạt động biểu diễn	2	2	3	3	3	4	4	0	5	5	5	0
Gây quỹ cho các hoạt động văn hóa nghệ thuật	2	2	3	3	3	0	4	0	5	5	6	0
Quản lý nguồn lực văn hóa	2	0	3	2	2	2	0	0	3	4	3	2

Nghệ thuật truyền thống Việt Nam	2	2	3	0	0	4	4	0	0	5	5	5
Quản lý mỹ thuật	2	2	3	0	0	3	3	0	5	0	0	5
Thực tập TN	0	2	2	0	3	3	3	0	5	5	5	5
Đề án TN	0	3	2	3	3	3	0	0	4	5	5	6

Ghi chú: Các mức độ đóng góp:

- Đối với kiến thức: 1-Nhớ; 2-Hiểu; 3-Vận dụng; 4-Phân tích; 5-Đánh giá; 6-Sáng tạo.
- Đối với kỹ năng: 1-Nhớ; 2-Hiểu; 3-Vận dụng; 4-Phân tích; 5-Đánh giá; 6-Sáng tạo.
- Đối với mức độ tự chủ và trách nhiệm, năng lực cần thiết: 1-Tiếp nhận; 2-Đáp ứng/Hỏi đáp; 3- Hình thành giá trị/Đánh giá; 4-Tổ chức; 5-Tập hợp giá trị/Tính cách.